

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 525/2018/HC-PT
Ngày: 08/11/2018
*V/v Khiếu kiện quyết định truy
thu thuế giá trị gia tăng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
*Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Ngọc Huân;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 134/2018/TLPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2018, do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh NB.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6995/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Cán thép TĐ;

Địa chỉ: Tổ 4 phường NS, thành phố TĐ, tỉnh NB.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Lê H, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên công ty; có mặt.

*** Người bị kiện:** Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB;

Địa chỉ: Số 215 đường ĐTH, phường ĐT, thành phố NB, tỉnh NB.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:** Ông Nguyễn Văn P - Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Luật sư Trần Gia T, thuộc Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn ATS thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

**** Nhân chứng:***

- Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn thép K Việt Nam: Bà Vũ Thị Thu H1, bà Phạm Thị Ngọc L, ông Nguyễn Anh T - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn ATS thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Đại diện Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh NB, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Người khởi kiện (Công ty trách nhiệm hữu hạn Cán thép TĐ, đại diện theo pháp luật là ông Đặng Lê H), trình bày:

Tại Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB (viết tắt Cục thuế), với nội dung: Quyết định này thay thế Quyết định số 3478/QĐ-CT ngày 18/10/2017 về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế, có nội dung: Xử lý vi phạm về thuế đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Cán thép TĐ (gọi tắt là Công ty cán thép TĐ), mã số thuế: 2700268359, thời kỳ kiểm tra: Từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2012.

+ Truy thu thuế GTGT (viết tắt GTGT), số tiền là 63.565.090.909 đồng;

+ Giảm thuế TNDN, số tiền là 15.891.272.727 đồng.

Ngày 02/11/2017, Công ty Cán thép TĐ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh NB tuyên hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế. Với lý do:

+ Quyết định số 3598/QĐ-CT nêu trên áp đặt truy thu trái pháp luật số tiền thuế GTGT là 63.565.090.909 đồng, không có căn cứ pháp luật đối với Công ty cán thép TĐ, bởi lẽ:

Phân căn cứ của quyết định rất chung là các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đơn phương ban hành phụ lục biên bản kiểm tra vào ngày 22/9/2017.

Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 không có một điều khoản nào quy định chuyển nhượng dự án thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Ngày 14/3/2018 Công ty Cán thép TĐ có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung:

Phụ lục biên bản kiểm tra ngày 22/9/2017 của Cục thuế không có giá trị pháp lý, đơn phương ban hành phụ lục biên bản kiểm tra vì thời gian ban hành

phụ lục biên bản kiểm tra có trước ngày mời đơn vị đến Cục thuế để lập phụ lục biên bản kiểm tra.

Bản chất của hợp đồng chuyển nhượng dự án 1 và dự án 2 giữa Công ty Cán thép TĐ và Công ty KSS Corporation Pte.Ltd (gọi tắt Công ty KSS) ngày 15/02/2012 là các bên thực hiện hợp đồng góp vốn để thành lập doanh nghiệp nên không phải kê khai thuế GTGT.

Ngày 13/3/2018, Công ty Cán thép TĐ nhận được thông báo thụ lý vụ án (bổ sung) đưa Công ty Trách nhiệm hữu hạn thép K Việt Nam (viết tắt là Công ty thép K Việt Nam) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Cán thép TĐ có cho rằng, Công ty thép K Việt Nam không có liên quan gì đến Quyết định truy thu thuế số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh NB không đưa Công ty thép K Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

* Tại Văn bản số 3813/CT-KTT1 ngày 17/11/2017 của người bị kiện là Cục trưởng Cục thuế trình bày:

- Căn cứ Công văn số 5010/BKHĐT-ĐTNN ngày 16/7/2013 của Bộ Kế hoạch và đầu tư xác định giao dịch chuyển nhượng giữa Công ty Cán thép TĐ và Công ty thép K Việt Nam là chuyển nhượng dự án. Căn cứ Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội khóa XII thì chuyển nhượng dự án không phải là hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Căn cứ khoản 3, Điều 8 Luật thuế GTGT thì chuyển nhượng dự án không thuộc hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8, vì vậy thuộc nhóm thuế suất GTGT là 10%. Căn cứ vào các Giấy mời số 1460/GM-CT ngày 01/6/2017, Giấy mời số 2065 ngày 16/6/2017, Giấy mời số 3195 ngày 22/9/2017, Giấy mời số 3416 ngày 11/10/2017 của Cục thuế về việc Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1568/QĐ-CT ngày 05/7/2013 của Cục trưởng Cục thuế lập phụ lục biên bản với Công ty Cán thép TĐ thì Công ty Cán thép TĐ đều có văn bản phúc đáp với nhiều lý do để không làm việc. Ngày 27/10/2017 Cục thuế áp dụng khoản 5.7, điểm 5, mục II Quy trình kiểm tra thuế kèm theo Quyết định số 746/QĐ-CT ngày 20/4/2015 của Tổng Cục thuế ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT về việc xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ.

- Theo Văn bản số 3813/CT-KTT1 và Văn bản số 4063/CT-KTT1 ngày 11/12/2017 của Cục trưởng Cục thuế trình bày bổ sung:

Thời điểm ngày 16/07/2013 ký biên bản kiểm tra thuế giữa Công ty Cán thép TĐ và Đoàn kiểm tra theo Quyết định kiểm tra thuế số 1568/QĐ-CT ngày

05/07/2013 Cục thuế còn vướng mắc về chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án 1 và dự án 2 giữa Công ty cán thép TĐ và Công ty thép K Việt Nam. Vướng mắc này Cục thuế chờ Tổng Cục thuế trả lời tại Công văn số 1342/CT-TTHT ngày 21/06/2012 về việc chính sách thuế. Vì vậy, Công ty Cán thép TĐ và Cục thuế thống nhất tạm thời tính hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/02/2012 giữa Công ty TNHH Cán thép TĐ và Công ty thép K Việt Nam theo hình thức chuyển nhượng vốn, khi nào cơ quan có thẩm quyền có ý kiến kết luận cụ thể đối với việc tranh chấp nêu trên thì sẽ xác định lại số thuế phải nộp theo ý kiến kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 09/5/2017, Tổng Cục thuế có Công văn số 1856/TCT-KTNB về việc chuyển nhượng dự án, cụ thể: “...*Tổng Cục thuế xác định Hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/02/2012 giữa Công ty TNHH Cán thép TĐ và Công ty thép K Việt Nam là chuyển nhượng dự án*”. Như vậy, vướng mắc về chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án 1 và dự án 2 nêu trên đã được Tổng Cục thuế chỉ rõ, vì vậy, Cục thuế thực hiện theo quy định tại Điểm 6, Điều 62 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ và Khoản 5.7, điểm 5, Mục II, Quy trình Kiểm tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20/04/2015 của Tổng Cục thuế để lập phụ lục của biên bản kiểm tra ký ngày 16/7/2013 theo Quyết định số 1568/QĐ-CT ngày 05/7/2013 về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cán thép TĐ.

Đối chiếu với Điều 5 và Khoản 3 Điều 8 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 thì chuyển nhượng dự án không thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Vì vậy, thuộc nhóm thuế suất thuế GTGT là 10%.

Vì vậy, Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ và khẳng định Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 ban hành là đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 16/4/2018, Cục trưởng Cục thuế tiếp tục có Văn bản số 953/CT-KTT1 gửi Tòa án nhân dân tỉnh NB, với nội dung: Theo thỏa thuận tại các hợp đồng và thực tế thực hiện, Công ty KSS và ông Đặng Lê H thỏa thuận góp vốn thành lập Công ty thép K Việt Nam, trong đó Công ty KSS góp vốn bằng tiền mặt và ông Đặng Lê H góp vốn bằng 30% giá trị dự án 1, dự án 2, Công ty thép K Việt Nam nhận chuyển nhượng 70% dự án 1, dự án 2, cụ thể là các tài sản theo hợp đồng, hóa đơn từ Công ty Cán thép TĐ, thực hiện thanh toán cho

Công ty Cán thép TĐ từ số tiền Công ty KSS góp vốn, mặt khác hoạt động góp vốn của Công ty KSS vào Công ty thép K Việt Nam cũng độc lập với hoạt động chuyển nhượng 70% dự án 1, dự án 2 của Công ty cán thép TĐ. Việc Công ty Cán thép TĐ trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2018 nêu: “Việc chuyển nhượng dự án bản chất là việc góp vốn để thành lập Công ty liên doanh hoạt động thực hiện 2 dự án đầu tư nên thuộc trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT là không phù hợp”. Căn cứ khoản 3 Điều 8 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12; Điểm 3 mục II phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC: Công ty Cán thép TĐ chuyển nhượng dự án 1 và dự án 2 (cụ thể là các tài sản, hàng hóa ghi trên hóa đơn số 0288851) cho Công ty thép K Việt Nam thuộc diện chịu thuế GTGT với thuế suất 10%. Cục thuế vẫn giữ nguyên các nội dung tại Công văn 644/CT-KTT1 ngày 22/3/2018.

* Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17/4/2018, Tòa án nhân dân tỉnh NB quyết định:

Căn cứ vào các điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2.18 mục IV phần B Thông tư số 129/2008/TT- BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng; Điểm a khoản 6 Điều 5 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 và Nghị định số 121/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cán thép TĐ. Hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 26/4/2018, người bị kiện là Cục trưởng Cục thuế kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Cục trưởng Cục thuế giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cán thép TĐ yêu cầu hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế.

- Người khởi kiện đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm. Với lý do: Ngày 14/3/2018 Công ty Cán thép TĐ có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung:

Phụ lục biên bản kiểm tra ngày 22/9/2017 của Cục thuế tỉnh NB không có giá trị pháp lý, đơn phương ban hành phụ lục biên bản kiểm tra vì thời gian ban hành phụ lục biên bản kiểm tra có trước ngày mời đơn vị đến Cục thuế (gọi tắt là Cục Thuế) để lập phụ lục biên bản kiểm tra.

Bản chất của hợp đồng chuyển nhượng dự án 1 và dự án 2 giữa Công ty Cán thép TĐ và Công ty KSS Corporation Pte.Ltd ngày 15/2/2012 là các bên thực hiện hợp đồng góp vốn để thành lập doanh nghiệp nên không phải kê khai thuế giá trị gia tăng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Bản chất 02 hợp đồng giữa Công ty Cán thép TĐ với Công ty K Singapore ký ngày 15/02/2012 được xác định là Hợp đồng chuyển nhượng dự án. Tại thời điểm ký kết và thực hiện hợp đồng, loại hình hợp đồng này là đối tượng chịu thuế GTGT.

Mặc dù quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2009 (nay là Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015): “trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản pháp luật mới” để xác định: cần áp dụng quy định mới này đối với trường hợp chuyển nhượng dự án của Công ty Cán thép NB thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT (có hiệu lực từ ngày 01/01/2014) quy định: “Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án không thuộc đối tượng phải chịu thuế Giá trị gia tăng”, nhưng do thời điểm ký kết và thực hiện các hợp đồng chuyển nhượng các Dự án trong vụ án này là từ năm 2012 nên phải chấp hành pháp luật hiện hành. Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư 166/2013/TT-BTC hướng dẫn xử lý về việc thu thuế trong trường hợp có vi phạm về khai nộp thuế: “Quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 10 năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm”. Tại phiên tòa phúc thẩm: Kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế (và văn bản của Công ty K Việt Nam đề nghị tham gia tố

tụng với tư cách Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ chính Công ty K Việt Nam đã từ chối tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện bằng Văn bản số 12/KSVC-2018 ngày 21/3/2018 nên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo này; Qua thẩm tra tại phiên tòa, đã xác định Cục trưởng Cục thuế không thực hiện việc ban hành văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vụ việc từ khi lập biên bản kiểm tra đến khi ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính, không lập Biên bản vi phạm hành chính nên có lỗi trong thực hiện thủ tục hành chính khi ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính;

Việc Công ty thép TĐ viết sai hóa đơn (về số tiền, loại tiền giao dịch, địa chỉ bên chuyển tiền) nên đã hủy để viết lại cho đúng là có căn cứ. Cục thuế có biết và thừa nhận có việc này qua Báo cáo điện tử;

Ông Hoa (đại diện Công ty thép TĐ) thừa nhận việc chuyển tiền theo hợp đồng là giao dịch thực hiện giữa Công ty Cán thép TĐ với Công ty K Singapore.

Từ những căn cứ trên nhận thấy việc Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 truy thu thuế VAT đối với Công ty thép TĐ là phù hợp quy định pháp luật.

Vì những lẽ đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Cán thép TĐ yêu cầu hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ và kiến nghị Cục trưởng Cục thuế thực hiện lại trình tự, thủ tục theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng, của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện:

- Ngày 27/10/2017 Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ là quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế được quy định tại Điều 3 Luật tố tụng Hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh NB theo quy định tại Điều 32 Luật

tổ tụng hành chính.

- Ngày 02/11/2017 Công ty Cán thép TĐ khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh NB yêu cầu hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.2]. Xác định tư cách người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Tại phiên tòa vắng mặt nhân chứng Đại diện Ban quản lý khu công nghiệp do Cục trưởng Cục thuế đề nghị triệu tập. Hội đồng xét xử thấy rằng, vụ án này Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở lần thứ 3. Mặt khác, hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ nên không cần thiết hoãn phiên tòa. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và người khởi kiện tiếp tục xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính.

[1.2.2]. Xét đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung kháng cáo ngày 29/02/2018 của Cục trưởng Cục thuế và đơn của Công ty thép K Việt Nam về việc đưa Công ty thép K Việt Nam tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, ngày 12/3/2018 Tòa án nhân dân tỉnh NB ban hành thông báo thụ lý vụ án (bổ sung) đưa Công ty thép K Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ngày 21/3/2018 Công ty thép K Việt Nam có văn bản trả lời số 12/KSVC đã thể hiện quan điểm: *“Công ty K thông báo với quý tòa về việc sẽ không tham gia vào vụ án hành chính thụ lý số 13/2017/TLHC-ST với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Không có quyền, nghĩa vụ đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế”*. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty thép K Việt Nam xác nhận Công văn trên là của Công ty thép K Việt Nam gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh NB.

Mặt khác, Công ty Cán thép TĐ ký hợp đồng chuyển nhượng dự án 1, dự án 2 với Công ty thép KSS (đã được Ban quản lý Khu công nghiệp cấp phép) và thành lập Công ty thép K Việt Nam, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2012, các cổ đông của Công ty thép K Việt Nam chuyển nhượng toàn bộ vốn cho 3 công ty, bao gồm: Công ty TNHH Thép KS 60%, Công ty MOC 20% và Công ty TNHH MNŞP 20%), cấp giấy phép lần thứ 5 vào ngày 15/8/2018, do ông FH, quốc tịch Nhật Bản là Tổng giám đốc là đại diện pháp luật. Trường hợp việc chuyển nhượng giữa các cổ đông của Công ty thép K Việt Nam đề cập đến việc bên mua được hưởng thuế GTGT. Nếu Công ty thép K Việt Nam không được

hưởng thuế GTGT thì các cổ đông của bên mua có quyền yêu cầu bên bán trả lại khoản tiền này, trường hợp có tranh chấp giải quyết vụ án kinh doanh thương mại. Do đó, không cần thiết phải đưa Công ty thép K Việt Nam với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty thép K Việt Nam khẳng định có biết phiên tòa sơ thẩm xét xử vào ngày 17/4/2018 nhưng không tham gia và không có đơn yêu cầu, đến ngày 17/9/2018 (sau khi xét xử sơ thẩm 5 tháng), Công ty thép K Việt Nam mới có đơn đề nghị tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong khi đó, theo Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Cục trưởng Cục thuế cho rằng, quá trình thực hiện việc thanh tra thuế và giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm thấy không cần đưa Công ty thép K Việt Nam với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm mới thấy cần thiết nên đề nghị đưa Công ty thép K Việt Nam với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty thép K Việt Nam với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao và đại diện người khởi kiện tại phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của đại diện Cục trưởng Cục thuế đề nghị đưa Công ty thép K Việt Nam tham gia với tư cách quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét thời hạn, trình tự, thủ tục, ban hành biên bản kiểm tra và quyết định xử lý vi phạm về thuế.

- Căn cứ Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 tại trụ sở theo Quyết định 1568/QĐ-CT ngày 5/7/2013 của Cục trưởng Cục thuế kết luận: Công ty Cán thép TĐ xác định sai chi phí dẫn đến thiếu số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước: 1.979.897.440 đồng, không đề cập đến các khoản nộp khác. Phụ lục Biên bản kiểm tra ngày 22/9/2017 (sau 4 năm 2 tháng 6 ngày, kể từ ban hành phụ lục Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013) xác định thuế GTGT phải nộp tăng so với số liệu Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013, số tiền là: 63.565.090.909 đồng.

Như vậy, Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 và Phụ lục Biên bản kiểm tra ngày 22/9/2017 nêu trên thì Cục trưởng Cục thuế vi phạm tằn suất kiểm tra, vi phạm thời hạn, trình tự, thủ tục kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 67 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính Phủ. Vì theo Khoản 5 Điều 67 của

Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định “*Thanh tra lại: các kết luận thanh tra thuế thời hiệu 1 năm kể từ ngày kết luận thanh tra*”.

Tòa án cấp sơ thẩm hủy quyết định Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 nêu trên là có cơ sở và Cục trưởng Cục thuế không kháng cáo về vấn đề này.

- Tại đơn kháng cáo ngày 10/5/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Cục trưởng Cục thuế cho rằng, thực hiện Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 tại trụ sở theo Quyết định 1568/QĐ-CT ngày 5/7/2013 của Cục trưởng Cục thuế và ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 nêu trên là thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các Điều 11, Điều 28, Điều 65 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 3 Điều 110 Luật quản lý thuế. Tuy nhiên, không đề cập đến Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ tài chính “*Quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế*”. Đây là văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Điều 38 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 nêu trên quy định: “*1. Trong trường hợp quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc quá thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định, người có thẩm quyền không được ra quyết định xử phạt, nhưng vẫn phải ra quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả;*

2. Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả phải bằng văn bản theo đúng mẫu quy định. Trong quyết định phải ghi rõ: ngày, tháng, năm quyết định; họ, tên, chức vụ của người quyết định; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng; lý do không áp dụng hình thức xử phạt; các biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng; thời hạn thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; chữ ký của người ra quyết định”, thì Cục trưởng Cục thuế ban hành Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 tại trụ sở theo Quyết định 1568/QĐ-CT ngày 5/7/2013 và ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017, các vi phạm cụ thể như sau:

+ Theo hồ sơ vụ án và trình bày tại phiên tòa của đại diện Cục trưởng Cục thuế chỉ có Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 và Phụ lục Biên bản kiểm tra ngày 22/9/2017, không lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế. Vi phạm Điều 22 và Điều 38 Thông tư số 166/2013/TT-BTC nêu trên và Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012. Trường hợp cho rằng Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 thay cho biên bản vi phạm thì trái với Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 “*Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có*

thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản và chuyển kịp thời tới người có thẩm quyền xử phạt”. Vì thời kỳ kiểm tra từ tháng 1/2012 đến tháng 12/2012 nhưng biên bản kiểm tra của Cục trưởng Cục thuế có thời gian kéo dài là 4 năm 2 tháng 06 ngày (từ ngày 16/7/2013 đến ngày 22/9/2017).

+ Do không Lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế, nên Cục trưởng Cục thuế không thực hiện thủ tục yêu cầu Công ty Cán thép TĐ thực hiện giải trình của tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Điều 59, Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 23 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ tài chính.

+ Về hình thức của quyết định: Theo mẫu số 07/QĐ kèm theo Thông tư số 166/2013/TT-BTC nêu trên có tiêu đề là: quyết định về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, phần căn cứ áp dụng là: Luật quản lý thuế, Luật xử lý vi phạm hành chính, Thông tư quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và biên bản vi phạm hành chính về thuế nhưng Cục trưởng Cục thuế không áp dụng đúng mẫu nêu trên.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Cục trưởng Cục thuế cho rằng lý do sau 4 năm 2 tháng 06 ngày mới ban hành phụ lục Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013 và Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 nêu trên do doanh nghiệp và cơ quan thuế không thống nhất quan điểm và quy định của pháp luật còn có ý kiến khác nhau về việc áp dụng pháp luật. Việc giải trình này không đúng với nhiệm vụ, công vụ pháp luật quy định đối với Cục trưởng Cục thuế.

Như vậy, Cục trưởng Cục thuế trình bày việc ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 nêu trên theo hai quy trình xử lý vi phạm hành chính khác nhau (tại Tòa án cấp sơ thẩm là quy trình xử lý vi phạm về thuế qua kiểm tra về việc chấp hành pháp luật đối với Công ty Cán thép TĐ nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng đây là thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định Luật xử lý vi phạm hành chính), nhưng cả hai quy trình đều vi phạm trình tự, thủ tục, thời hạn, hình thức và căn cứ ban hành quyết định như phân tích nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội khẳng định: Cục trưởng Cục thuế không lập Biên bản vi phạm hành chính nên có lỗi trong thực hiện thủ tục hành chính khi ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính nhưng không đề nghị hủy và “*Kiến nghị Cục trưởng Cục thuế khi thực hiện nhiệm vụ công vụ phải thực hiện đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền của Cục trưởng*”; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định Cục trưởng Cục thuế

không đúng Điều 25, Điều 193, Điều 240 và Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính.

[2.2]. Xét đơn kháng cáo của đại diện Cục trưởng Cục thuế ngày 10/5/2018 cho rằng, Đại diện Cục trưởng Cục thuế cho rằng, trong hai giao dịch nêu trên thì giao dịch góp vốn của Công ty thép KSS (70% vốn điều lệ của Công ty Thép K Việt Nam) và ông Đặng Lê H (30% vốn điều lệ của Công ty Thép K Việt Nam) không thuộc diện phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng; còn giao dịch chuyển nhượng tài sản giữa Công ty Cán thép TĐ cho Công ty Thép K Việt Nam phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng, với thuế suất 10%, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Hợp đồng liên doanh ngày 15/02/2012 giữa KSS Corporation Pte. Ltd và ông Đặng Lê H thể hiện, như sau:

Tỷ lệ góp vốn, cụ thể: Công ty thép KSS góp vốn bằng tiền mặt; Ông Đặng Lê H góp vốn bằng 30% giá trị dự án 1, dự án 2.

Tại mục A “Bên chuyển nhượng là một công ty cổ phần hoạt động sản xuất thép xây dựng chất lượng cao và thép cuộn khổ lớn ở dự án nhà máy cán thép tại Khu đất (“Dự án 1” hoặc “Dự án 2”); và đã bắt đầu xây dựng nhà máy luyện phôi thép và cán thép để sản xuất cán dài cho các công trình xây dựng tại Khu công nghiệp Khánh Phú...”

Tại mục D và mục E thể hiện: Bên A và bên B sẽ ký hợp đồng liên doanh cùng nhau thành lập Bên chuyển nhượng để thực hiện quyền, nghĩa vụ và lợi ích của Bên nhận chuyển nhượng... và các bên ký sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng Dự án khác đối với Dự án 2.

Tại mục 2.5 quy định “Bên chuyển nhượng phải chuyển nhượng ba mươi (30) phần trăm các tài sản chuyển nhượng còn lại khác được quy định tại Điều 2.5 và được liệt kê tại phụ lục IV (a) (tài sản còn lại) cho Bên B và bên B phải ngay lúc hoàn thành, và đồng thời và theo cùng cách thức, chuyển nhượng bảy mươi (70) phần trăm tài sản chuyển nhượng khác, góp tài sản còn lại đó vào Bên nhận chuyển nhượng bằng hiện vật như là phần góp vốn vào vốn điều lệ vào bên nhận chuyển nhượng vào ngày hoàn tất” .

Sau khi ký kết hợp đồng liên doanh nêu trên, Công ty thép KSS và ông Đặng Lê H thành lập Công ty thép K Việt Nam, đăng ký lần đầu ngày 17/02/2012.

Công ty Cán thép TĐ chuyển nhượng dự án cho Công ty Thép K Việt Nam; Theo Hợp đồng liên doanh này thể hiện: Công ty Cán thép TĐ chuyển nhượng vốn 70% dự án 1, dự án 2 cho Công ty thép KSS, với tổng giá trị bao gồm thuế là 699.216.000.000 VNĐ. Sau đó, cổ đông của Công ty thép K Việt

Nam (bao gồm: Công ty thép KSS 70% cổ phần và ông Đặng Lê H 30% cổ phần) chuyển nhượng toàn bộ vốn cho 3 công ty, bao gồm: Công ty TNHH Thép KS 60%, Công ty MOC 20% và Công ty TNHH MNSP 20%), cấp giấy phép lần thứ 5 vào ngày 15/8/2018, do ông FH, quốc tịch Nhật Bản là Tổng giám đốc là đại diện pháp luật của công ty.

Căn cứ Khoản 4 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2005 và Khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 thì: Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập. Theo Điều 5 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định: “*Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư*”.

Tại Điểm d Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 quy định: *Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật.*

Như vậy, Công ty Thép K Việt Nam được thành lập trên cơ sở chuyển nhượng vốn (tài sản là dự án 1 và dự án 2) của Công ty thép KSS 70% cổ phần và ông Đặng Lê H 30% cổ phần. Việc gọi là chuyển nhượng dự án hay chuyển nhượng vốn thì không khác nhau về bản chất. Các văn bản pháp luật không có quy định chuyển nhượng vốn không phải nộp thuế GTGT nhưng chuyển nhượng dự án thì phải nộp thuế GTGT.

Tại Công văn số 2915/TCT-KTNB, ngày 03/7/2017 của Tổng Cục thuế tỉnh NB gửi Cục thuế, Công hàm số 02 TC/HTQT ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính gửi Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam và Công văn số 5010/BKHĐT ngày 16/7/2013 của Bộ kế hoạch và Đầu tư xác định hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/02/2012 giữa Công ty Cán thép TĐ với Công ty thép K Việt Nam là chuyển nhượng dự án. Tại thời điểm ban hành Công văn nêu trên thì các văn bản pháp luật quy định cụ thể việc chuyển nhượng dự án không phải nộp thuế (điểm d Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 209/2013 ngày 18/12/2013 của Chính phủ và Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính). Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB căn cứ vào các văn bản nêu trên nhưng áp dụng quy định Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 quy định chuyển nhượng vốn không thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để giải quyết không đúng. Trong khi đó, Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 không quy định chuyển nhượng dự án phải nộp thuế.

- Tại Thông tư 13/VBHN-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày

18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều luật thuế, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Phần căn cứ ban hành Thông tư 13/VBHN-BTC bao gồm: Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng. Tại Khoản 4 Điều 5 của Thông tư 13/VBHN-BTC: Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không phải kê khai tính, nộp thuế giá trị gia tăng. Tại Công văn số 3004/TCT-CS ngày 07/7/2017 của Tổng Cục thuế tỉnh NB gửi Cục thuế Hà Nội xác định chuyển nhượng một số dự án cụ thể không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

Như vậy, Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 quy định chuyển nhượng vốn không thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, nhưng không quy định chuyển nhượng dự án phải nộp thuế. Tại Thông tư 13/VBHN-BTC (văn bản hợp nhất) nêu trên, phần căn cứ ban hành Thông tư 13/VBHN-BTC là Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ và giải thích tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư không phải nộp thuế. Việc giải thích của Thông tư 13/VBHN-BTC phù hợp với bản chất của hợp đồng chuyển nhượng ngày 15-02-2012 giữa Công ty Cán thép TĐ với Công ty thép K Việt Nam và Luật ban hành văn bản năm 2008 và Luật ban hành văn bản năm 2015.

Theo Khoản 2 Điều 79 và khoản 4 Điều 83 Luật ban hành văn bản năm 2008 và Khoản 2 Điều 152 Luật ban hành văn bản năm 2015 thì: *Không được quy định hiệu lực trở về trước đối với các trường hợp sau đây: a) Quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý; b) Quy định trách nhiệm pháp lý nặng hơn*” và Khoản 4 Điều 83 Luật ban hành văn bản năm 2008 và Khoản 4, Điều 156 Luật ban hành văn bản năm 2015 quy định: *Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật mới không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra, trước ngày văn bản có hiệu lực thì áp dụng văn bản mới.*

- Thực tế năm 2012, Cục thuế thống nhất tạm xác định hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/02/2012 giữa Công ty Cán thép TĐ với Công ty thép K Việt Nam là chuyển nhượng vốn, Công ty Cán thép TĐ không phải nộp thuế GTGT.

Như vậy, việc xử lý về thuế đối với Công ty Cán thép TĐ đúng bản chất vụ việc, đã được thực hiện từ năm 2012.

- Mặt khác, tại biên bản kiểm tra của Cục thuế vào ngày 16/7/2013 không đề cập đến việc nộp thuế này nhưng Phụ lục Biên bản kiểm tra đề ngày 22/9/2017 (*sau 4 năm 2 tháng 06 ngày, kể từ ban hành Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013*) xác định thuế GTGT phải nộp tăng so với số liệu Biên bản kiểm tra ngày 16/7/2013, số tiền là: 63.565.090.909 đồng. Ngày 27/10/2017 Cục trưởng Cục thuế ban hành Quyết định số 3598/QĐ-CT về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra. Theo Biên bản kiểm tra này, thì thời điểm Cục thuế xác định vi phạm của Công ty Cán thép TĐ là ngày 22/9/2017. Do vậy, phải áp dụng Thông tư 13/VBHN-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính nêu trên để giải quyết.

[3]. Với phân tích nêu trên có cơ sở kết luận: hợp đồng chuyển nhượng ngày 15-02-2012 giữa Công ty Cán thép TĐ với Công ty thép K Việt Nam là chuyển nhượng vốn đầu tư (tài sản chuyển nhượng là dự án 1 và dự án 2) thuộc trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT. Cục trưởng Cục thuế cho rằng, Công ty Cán thép TĐ chuyển nhượng dự án thuộc diện chịu thuế GTGT với thuế suất 10% là không có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cán thép TĐ, hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ là không đúng điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ tài chính; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế để ban hành quyết định, Thông tư 13/VBHN-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều luật thuế là thiếu sót, nhưng không ảnh hưởng đến nội dung của vụ án.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm Cục trưởng Cục thuế và đại diện Công ty thép K Việt Nam cho rằng, việc hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc

kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ làm ảnh hưởng đến việc thu ngân sách của địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa đại diện Cục trưởng Cục thuế và đại diện Công ty thép K Việt Nam trình bày, trường hợp xác định Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế về việc truy thu số tiền thuế GTGT là 63.565.090.909 đồng của Công ty Cán thép TĐ đúng thì Công ty thép K Việt Nam mới được đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào 63.565.090.909 đồng. Trường hợp Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế sai thì Công ty thép K Việt Nam không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào 63.565.090.909 đồng.

Mặt khác, theo điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015 thì, Tòa án có thẩm quyền xem xét trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định hành chính. Trường hợp Cục trưởng Cục thuế ban hành không đúng thì Tòa án hủy quyết định hành chính, buộc Cục trưởng Cục thuế thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, Tòa án không có thẩm quyền buộc hoặc miễn nộp thuế đối với Công ty Cán thép TĐ hoặc Công ty thép K Việt Nam.

Như vậy, ý kiến của đại diện Cục trưởng Cục thuế và đại diện Công ty thép K Việt Nam cho rằng việc hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ làm hưởng đến việc thu ngân sách của địa phương không đúng.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận định “*Bản chất 02 hợp đồng giữa Công ty TNHH Cán thép TĐ và Công ty thép K Việt Nam ký ngày 15/02/2012 được xác định là hợp đồng chuyển nhượng dự án*” và cho rằng mặc dù quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật ban hành văn bản năm 2008 và Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì: cần áp dụng quy định mới này đối với trường hợp chuyển nhượng dự án của Công ty cán thép NB thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT (có hiệu lực từ ngày 01/01/2014) quy định: “*Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án không thuộc đối tượng phải chịu thuế Giá trị gia tăng*”, nhưng do thời điểm ký kết và thực hiện các hợp đồng chuyển nhượng các dự án trong vụ án này là từ năm 2012 nên phải chấp hành pháp luật hiện hành nhưng đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty Cán thép TĐ yêu cầu hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế là không có cơ sở.

[6]. Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cán thép TĐ, hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty Cán thép TĐ là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót như đã phân tích mục [3] nêu trên. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo Cục trưởng Cục thuế, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh NB.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế được chấp nhận một phần nên Cục trưởng Cục thuế không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Ngoài ra, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB; Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh NB, cụ thể như sau:

- Căn cứ điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ tài chính;

Căn cứ Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Điều 45 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26-11-2014; Khoản 2 Điều 152 và Khoản 4 Điều 156 Luật ban hành văn bản năm 2015. Khoản 4 Điều 5 Thông tư 13/VBHN-BTC ngày 15-5-2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18-12-2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều luật thuế, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Cán

thếp TĐ. Hủy Quyết định số 3598/QĐ-CT ngày 27/10/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB về việc xử lý vi phạm về thuế qua việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn Cán thép TĐ.

Buộc Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Cục trưởng Cục thuế tỉnh NB không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/04454 ngày 03/5/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh NB.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- Cục THA dân sự tỉnh NB;
- UBND tỉnh NB;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường